

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 744/2020/HC-PT

Ngày: 10/8/2020

V/v: “Khiếu kiện quyết định
hành chính về thu hồi,
bồi thường, hỗ trợ và tái định cư”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thuận

Các thẩm phán:

1/ Ông Trần Đức Nam

2/ Ông Chu Xuân Quyền

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh: Bà Huỳnh Thị Kim Tuyền - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 23 tháng 7, ngày 05 và ngày 10 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 21/2020/TLPT-HC ngày 24 tháng 02 năm 2020, về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính về thu hồi, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư”.

Do bản án hành chính sơ thẩm số 01/2019/HC-ST ngày 30 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2780/2020/QĐ-PT ngày 01 tháng 6 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 6329/2020/QĐPT-HC ngày 23 tháng 6 năm 2020 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 7831/2020/QĐPT-HC ngày 23 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1935

Trú tại: thị trấn T1, huyện T2, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện hợp pháp: Ông Hà Ngọc T3, trú tại: Phường 1, quận T4, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện (được ủy quyền theo Văn bản ủy quyền số chứng thực 202 lập ngày 03/7/2019 tại Ủy ban nhân dân thị trấn T1, tỉnh Đồng Nai).

Người bị kiện: Ủy ban nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ: Phường 1, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Huỳnh Minh H1 – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận A, địa chỉ: Phường 1, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh là người

đại diện theo ủy quyền của người bị kiện (được ủy quyền theo Văn bản ủy quyền số 4176/QĐ-UBND lập ngày 16/8/2019).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

- Bà Lưu Trầm Dạ T4 – Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường Quận A, địa chỉ: Phường 1, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Ngô Thị Hồng L – Phó trưởng Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng Quận A, địa chỉ: Phường 1, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Đỗ Thị Duy H2 – Phó trưởng Phòng Tư pháp Quận A, địa chỉ: Phường 1, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Lê Văn V – Trưởng Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng Quận A, địa chỉ: Phường 1, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Trần Thị S, sinh năm 1935;

Trú tại: Phường 14, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Ông Nguyễn Thành T5, sinh năm 1976;

3/ Bà Phạm Thị T6, sinh năm 1955;

4/ Ông Nguyễn Thành N1, sinh năm 1974;

5/ Bà Nguyễn Thị Ngọc H2, sinh năm 1977;

Cùng trú tại: Phường 14, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

6/ Bà Nguyễn Thị Ngọc S2, sinh năm 1972;

Trú tại: Phường 14, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

7/ Ông Nguyễn Trọng H3, sinh năm 1991;

Trú tại: Phường 14, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

8/ Bà Trịnh Huệ H4, sinh năm 1959;

9/ Ông Huỳnh Đăng T6, sinh năm 1957;

Cùng trú tại: Phường 14, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

10/ Bà Lê Thị B1, sinh năm 1944;

Địa chỉ: Phường 14, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

11/ Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1948;

12/ Bà Huỳnh Thị H4, sinh năm 1980;

Cùng trú tại: Phường 14, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

13/ Ông Dương Văn M1, sinh năm 1961;

14/ Bà Lê Thị C2, sinh năm 1961;

Cùng trú tại: Phường 14, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

15/ Ủy ban nhân dân Phường 14, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ: Phường 14, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện ông Nguyễn Văn T có ông Hà Ngọc T3 là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 31/12/1965, ông Nguyễn Văn T mua lô đất diện tích 1.240m² bằng khoán số 257 Chợ Lớn, Phú Lâm của bà Nguyễn Kim Tốt. Ngày 11/01/1966, ông T mua thêm mảnh đất thổ cư và đất vườn diện tích 1.280m² bằng khoán số 258 Chợ Lớn, Phú Lâm của ông Lâm Bái, trên đất có căn nhà lợp ngói...Hai lô

đất trên liền kề nhau tại địa chỉ số 378 đường Lục tỉnh (sau này là đường Hùng Vương, Phường 14, Quận A), đất được bao bọc bằng hàng rào vĩ sắt. Năm 1968, ông T bị bắt đi lính chế độ ngụy quyền Sài Gòn nên giao đất cho cha mẹ ruột là ông Nguyễn Văn Kiệu và bà Tô Thị Túc quản lý và sử dụng.

Khoảng năm 1973, mẹ của ông T (bà Túc) làm một căn nhà vách gỗ mái tôn trên phần đất này để bà Trần Thị S là người làm công ăn lương, ở và trông coi đất và kho phế liệu. Căn nhà này có số 378 đường Lục tỉnh (sau này là đường Hùng Vương, Phường 14, Quận A).

Sau giải phóng, mẹ ông T vẫn tiếp tục quản lý cho đến khi xuất cảnh vào năm 1982. Bà Túc giao lại đất cho ông T để trông coi. Do không có giấy tờ tùy thân nên khi ông T yêu cầu bà Sáu giao trả đất thì bà Sáu lấy lý do chỉ biết cha mẹ ông T (bà Túc, ông Kiệu), không biết ông T là ai nên không trả đất. Trong thời gian này, tình trạng đất có nhiều thay đổi:

- Cuối năm 1982, Ủy ban nhân dân Quận A ký Giấy phép số 649/GP ngày 14/12/1982 tạm cấp cho bà Lê Thị B1 xây dựng nhà tạm trên diện tích 4x6m sát phía sau lưng nhà số 378 đường Hùng Vương thuộc phần đất của ông T. Thời điểm đó, tuy bà Sáu là người giữ đất nhưng không có ý kiến gì ngăn cản.

- Năm 1983, ông Huỳnh Đăng T6 tự ý lấn chiếm một phần khu đất bên hông nhà số 387 đường Hùng Vương làm bãi phơi bao nylon phế liệu. Sau đó, Ủy ban nhân dân Phường 14, Quận A tự ý ký hợp đồng cho ông Thắng thuê 100m² đất trên phần đất của ông T.

- Năm 1983, Ủy ban nhân dân Phường 14, Quận A cũng sử dụng đất trống của ông T làm nơi chứa củi. Đến năm 1986, Ủy ban nhân dân Phường 14, Quận A ký hợp đồng cho ông Vũ Văn Lắm mượn đất trống trong khuôn viên đất của ông T, sau đó ông Lắm tự ý lấn chiếm thêm đất trống (cũng nằm trong khuôn viên đất của ông T).

- Bà Sáu tự ý ký hợp đồng hợp tác với ông Nguyễn Văn Đ và ông Nguyễn Thành Kiêm sản xuất tấm trần nhà sử dụng phần đất của ông T làm nhà kho mà không có ý kiến của ông T. Sau này, ông Được, ông Kiêm tự ý coi nói, sửa chữa trái phép thành nhà và ở luôn, bà Sáu cũng không có ý kiến.

- Năm 1993, ông T làm đơn khởi kiện bà Sáu. Tòa án nhân dân Quận A đã xác minh đất của ông T mua có bằng khoán, không thuộc diện đất do Nhà nước quản lý; bà Sáu cũng đã thừa nhận việc chỉ là người trông giữ đất cho bà Túc (đo đạc thực tế năm 1994 khu đất có diện tích 2.280m²). Năm 1994, Tòa án nhân dân Quận A xét xử sơ thẩm, xác định ông T là người có quyền sử dụng đất hợp pháp. Buộc bà Sáu, ông Thắng, ông Được, ông Kim, ông Lắm phải dọn đi nơi khác, trả lại toàn bộ khu đất cho ông T. Năm 1995, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tuyên y án sơ thẩm.

- Do có kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân Tối cao, yêu cầu hủy án phúc thẩm để xem xét lại công sức của bà Trần Thị S, xác minh diện tích đất còn lại xem còn ai đang quản lý, sử dụng hợp pháp hay không nên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã thụ lý lại vụ án nêu trên, tuy nhiên vì bức xúc bị chiếm giữ đất quá lâu, nên ông T rút đơn khởi kiện. Tòa án nhân dân Thành phố

Hồ Chí Minh đã đình chỉ giải quyết vụ án.

- Năm 2015, vụ án của ông T được thụ lý giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm. Trong năm 2015, Tòa án nhân dân Quận A ban hành Bản án sơ thẩm với nội dung công nhận quyền sử dụng đất của ông T đối với phần đất 1.494m². Bản án này đã có hiệu lực pháp luật.

Đến nay, qua kiểm tra thực tế hiện trạng đất tại địa chỉ số 378 đường Hùng Vương đã bị Nhà nước giải tỏa hoàn toàn trong dự án Nâng cấp đô thị thành phần số 4. Qua tìm hiểu, được biết Ủy ban nhân dân Quận A đã thu hồi đất của ông T được công nhận theo bản án năm 2015 (tại các địa chỉ 810; 812; 814; 814/1; 814/4; 816 và 818 Hồng Bàng) và bồi thường sai đối tượng.

Do đó, ông T yêu cầu Tòa án tuyên hủy các Quyết định thu hồi đất của Ủy ban nhân dân Quận A, bao gồm:

1/ Quyết định số 6304/QĐ-UB ngày 11/8/2011 về việc thu hồi đất của ông Nguyễn Văn Đ và bà Huỳnh Thị H4;

2/ Quyết định số 6305/QĐ-UB ngày 11/8/2011 về việc thu hồi đất của ông Dương Văn M1 và bà Lê Thị C2;

3/ Quyết định số 6307/QĐ-UB ngày 11/8/2011 về việc thu hồi đất của bà Lê Thị B1;

4/ Quyết định số 6308/QĐ-UB ngày 11/8/2011 về việc thu hồi đất của bà Phạm Thị T6;

5/ Quyết định số 6309/QĐ-UB ngày 11/8/2011 đối với các đồng thừa kế của ông Nguyễn Thành Kiêm;

6/ Quyết định số 6310/QĐ-UB ngày 11/8/2011 về việc thu hồi đất của bà Trần Thị S;

7/ Quyết định số 6312/QĐ-UB ngày 11/8/2011 về việc thu hồi đất của Miếu cộng đồng dân cư;

8/ Quyết định số 6313/QĐ-UB ngày 11/8/2011 về việc thu hồi đất của về việc thu hồi đất của ông Nguyễn Trọng H3;

9/ Quyết định số 3352/QĐ-UBND ngày 22/6/2012 thu hồi đất đối với ông Huỳnh Đăng T6 và bà Trịnh Huệ H4.

Ông T cũng yêu cầu Tòa án tuyên hủy các Quyết định bồi thường ban hành kèm theo quyết định thu hồi đất trên, bao gồm:

1/ Quyết định 1698/QĐ-HĐBT-BBT ngày 24/01/2011 về bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng cho hộ ông Dương Văn M1, bà Lê Thị C2;

2/ Quyết định số 7081/QĐ-HĐBT-BBT và số 7083/QĐ-HĐBT-BBT cùng ngày 12/9/2011 về bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng cho hộ ông Nguyễn Thành Kiêm;

3/ Quyết định số 7100/QĐ-HĐBT-BBT ngày 13/9/2011 về bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng cho ông Nguyễn Trọng H3;

4/ Quyết định số 7123/QĐ-HĐBT-BBT ngày 14/9/2011 về bồi thường, hỗ

trợ giải phóng mặt bằng cho ông Nguyễn Văn Đ;

5/ Quyết định số 7124/QĐ-HĐBT-BBT cùng ngày 14/9/2011 về bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng cho bà Trần Thị S;

6/ Quyết định số 7207/QĐ-HĐBT-BBT ngày 26/9/2011 về bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng cho hộ bà Lê Thị B1.

Ông T rút yêu cầu khởi kiện đối với Quyết định số 4270/QĐ-HĐBT-BBT ngày 13/8/2012 của Ủy ban nhân dân Quận A về bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng cho hộ ông Huỳnh Đăng T6. Lý do, ông Thắng chỉ được bồi thường về nhà, không được bồi thường về đất, nên ông T không yêu cầu hủy quyết định trên.

Ngoài ra, ông T không yêu cầu hủy quyết định nào khác. Trước đó, ngày 12/8/2019 ông T có yêu cầu khởi kiện bổ sung, yêu cầu tính lãi đối với số tiền bồi thường. Tại buổi làm việc ngày 07/11/2019, ông T xin rút yêu cầu trên.

Trường hợp các bên thỏa thuận được, ông T đề nghị Ủy ban nhân dân Quận A bồi thường cho ông T số tiền trên phần diện tích đất 1.918m² đã bị thu hồi (theo bản vẽ ngày 11/7/2008), theo phương án bồi thường năm 2011 (đơn giá bồi thường 54.011.000đồng/m²) và lãi suất tính từ năm 2011 đến thời điểm xét xử hoặc định giá lại số tiền bồi thường theo giá đất hiện tại. Ông Nguyễn Văn T đồng ý sẽ nộp lại số tiền mà Ủy ban nhân dân Quận A đã bồi thường sai cho các hộ dân, cụ thể là 16.508.538.078 đồng. Do đó, yêu cầu Ủy ban nhân dân Quận A bồi thường cho ông T số tiền 153.384.142.642đồng.

Người bị kiện Ủy ban nhân dân Quận A có ông Huỳnh Minh H1 là người đại diện ủy quyền trình bày:

Trong quá trình triển khai thực hiện thu hồi đất và bồi thường hỗ trợ tại khu vực Phường 14, Quận A để thực hiện dự án Nâng cấp đô thị thành phần số 4, ông Nguyễn Văn T đã liên hệ và cung cấp các hồ sơ liên quan đến quá trình giải quyết của Tòa án về tranh chấp dân sự “đòi nhà và đất”, giữa ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị S, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ủy ban nhân dân Phường 14, Quận A, Hợp tác xã Lập Thành (do Bà La Thị Ba đại diện), ông Nguyễn Văn Đ, ông Nguyễn Thành Kiêm, bà Phạm Thị T6, ông Huỳnh Đăng T6, ông Dương Văn M1, bà Lê Thị B1, cụ thể:

1. Bản án sơ thẩm số 11/STDS ngày 07/3/1994 của Tòa án nhân dân Quận A có nội dung:

- Chấp thuận yêu cầu của ông Nguyễn Văn T đòi bà Trần Thị S trả lại căn nhà số 378 đường Hùng Vương và toàn bộ phần đất liền nhà thuộc bằng khoán 257-258 Chợ Lớn, Phú Lâm có tổng diện tích chung là 2.194m² mà bà Sáu giữ.

- Bà Trần Thị S có trách nhiệm giao trả lại căn nhà nói trên cho ông Nguyễn Văn T trong thời hạn 9 tháng kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật.

- Riêng phần đất liền nhà được đề cập trên mà 04 hộ đang sử dụng được giải quyết như sau:

- + Hộ Nguyễn Văn Đ có trách nhiệm tháo dỡ căn nhà đang ở mang số 378

đường Hùng Vương Phường 14, Quận A do xây cất bất hợp pháp trả lại diện tích đất cho ông T.

+ Hộ Nguyễn Thành Kiêm có trách nhiệm tháo dỡ căn nhà đang ở do xây cất bất hợp pháp mang số 378 đường Hùng Vương Phường 14, Quận A (gồm 1 chính 1 phụ) trả lại diện tích đất cho ông T.

+ Hủy bỏ hợp đồng thuê đất giữa Ủy ban nhân dân Phường 14, Quận A với Hợp tác xã sửa chữa xe hơi Lập Thành do ông Võ Văn Lắm ký vào ngày 1/4/1991. Hợp tác xã Lập Thành có trách nhiệm tháo dỡ toàn bộ dọn đi trả lại đất cho ông T.

+ Hủy bỏ hợp đồng thuê đất giữa Ủy ban nhân dân Phường 14, Quận A với ông Huỳnh Đăng T6 ký vào ngày 1/4/1991. Ông Thắng có trách nhiệm giao toàn bộ phần diện tích đang sử dụng cho ông T.

+ Thời hạn giao trả đất quy định cho tất cả 04 hộ kể trên là 9 tháng kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật

2. Bản án phúc thẩm số 580/DSPT ngày 27/11/1995 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có nội dung: Y án sơ thẩm có bổ sung. Buộc bà Trần Thị S có trách nhiệm giao trả căn nhà số 378 đường Hùng Vương, Phường 14, Quận A và phần đất đang sử dụng tại số nhà nêu trên cho ông Nguyễn Văn T. Buộc ông Nguyễn Văn Đ và Nguyễn Thành Kiêm có trách nhiệm tháo dỡ căn nhà của mình do xây cất bất hợp pháp mang số 378 Hùng Vương Q6 để trả lại diện tích đất cho ông T. Buộc Hợp tác xã Lập Thành do ông Võ Văn Lắm đại diện phải tháo dỡ toàn bộ cơ sở dọn đi để trả lại toàn bộ diện tích đất đang sử dụng tại số 378 đường Hùng Vương Phường 14, Quận A cho ông T. Hủy bỏ hợp đồng thuê đất giữa Ủy ban nhân dân Phường 14, Quận A với ông Huỳnh Đăng T6 ký ngày 14/8/1991. Ông Thắng có trách nhiệm tháo dỡ cơ sở dọn đi để trả lại toàn bộ diện tích đang sử dụng tại số 378 đường Hùng Vương, Phường 14, Quận A cho ông T.

Ngày 17/02/1996, Viện Kiểm sát nhân dân Tối cao có Quyết định số 07/KN-DS kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án số 580/DSPT ngày 27/11/1995 Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

3. Bản án giám đốc thẩm số 111A ngày 16/4/1996 của Tòa án nhân dân tối cao có nội dung: Chấp nhận kháng nghị số 07/KN-DS ngày 17/02/1996 của Viện Kiểm sát nhân dân Tối cao. Hủy Bản án phúc thẩm số 580/DSPT ngày 27/11/1995 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phúc thẩm lại.

4. Do ông Nguyễn Văn T có đơn yêu cầu rút đơn khởi kiện; Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh có Quyết định số 2206/ĐC-PT ngày 12/11/2001 về đình chỉ việc giải quyết vụ án “đòi nhà và đất” với nội dung quyết định: Đình chỉ việc giải quyết vụ án “đòi nhà và đất”; Bản án số 11/DSST ngày 07/3/1994 của Tòa án nhân dân Quận A xử việc nói trên, không có hiệu lực pháp luật.

Như vậy, các bản án giải quyết vụ án “đòi nhà và đất” giữa ông T với bà Sáu và các người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không còn hiệu lực.

- Để có cơ sở ngăn chặn tiền bồi thường, hỗ trợ, ngày 23/02/2011, Hội đồng Bồi thường dự án có Văn bản số 103/HĐBT-BBT gửi ông Nguyễn Văn T đề nghị cung cấp các giấy tờ liên quan đến việc thụ lý giải quyết của Tòa án nhân dân theo yêu cầu khiếu kiện và cung cấp quyết định ngăn chặn tiền bồi thường của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đối với các mặt bằng nêu trên.

- Sau khi xem xét đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời “phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ ” của ông Nguyễn Văn T. Ngày 14/3/2011, Tòa án nhân dân Quận A có Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 03/2011/QĐ-BPKCTT; phong tỏa số tiền bồi thường, hỗ trợ của mặt bằng số 814/1 Hồng Bàng (do ông Dương Văn M1 đang sử dụng).

- Ngày 15/7/2011, Tòa án nhân dân Quận A có Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 119/QĐST-DS-ĐC (quyết định do hộ dân cung cấp) với nội dung:

Nhận định: Tranh chấp của ông T phát sinh từ năm 1992, được Tòa án nhân dân Quận A thụ lý năm 1993 và xét xử sơ thẩm năm 1994, đến năm 2001 Tòa án cấp phúc thẩm đình chỉ việc giải quyết vụ án do ông T rút đơn khởi kiện. Như vậy, thời hiệu khởi kiện lại của ông T được tính từ ngày 01/01/2005 nhưng đến ngày 24/01/2007 ông T mới khởi kiện lại vụ án là đã hết thời hiệu khởi kiện.

Quyết định: Đình chỉ giải quyết vụ án dân sự được thụ lý số 66/2007/TLST-DS ngày 06/02/2007; Hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời quy định tại điều 114 Bộ luật tố tụng dân sự đã được Tòa án nhân dân Quận A áp dụng tại Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 03/2011/QĐ-BPKCTT ngày 14/3/2011.

- Ông Nguyễn Văn T có đơn kháng cáo quyết định trên, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có Quyết định số 1140/2011/QĐPT-DS ngày 09/9/2011 về giải quyết việc kháng cáo đối với Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 119/QĐST-DS-ĐC, với nội dung: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn T, đình chỉ giải quyết vụ kiện “Tranh chấp quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở”; Hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời số 03/2011/QĐ-BPKCTT ngày 14/3/2011.

A- Về ban hành Quyết định thu hồi đất: Cơ sở pháp lý ban hành các quyết định thu hồi đất:

Ủy ban nhân dân Quận A nhận thấy, trường hợp các hộ dân nêu trên có quá trình sử dụng đất liên tục từ trước ngày 15/10/1993, có kê khai đăng ký nhà đất 1999, được Ủy ban nhân dân Phường 14, Quận A xác nhận về quá trình sử dụng đất, thuộc trường hợp đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận được quy định tại khoản 4 Điều 50 Luật Đất đai năm 2003, Điều 14 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ quy định về trường hợp cấp giấy chứng nhận do hộ gia đình, cá nhân sử dụng từ trước ngày 15/10/1993 mà không có một trong các loại giấy tờ quy định tại khoản 1 Điều 50 Luật Đất đai; Ngoài ra, căn cứ Điều 44 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007, Điều 14 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ quy định các trường hợp và nguyên tắc được bồi thường, hỗ trợ về đất khi Nhà nước thu hồi

đất đối với đất sử dụng trước 15/10/1993 mà không có giấy tờ về quyền sử dụng đất xác định hộ gia đình, cá nhân nêu trên là đối tượng để ra Quyết định thu hồi đất là phù hợp quy định pháp luật.

Căn cứ Điều 38, Điều 39, Điều 44 Luật Đất đai năm 2003 quy định về các trường hợp thu hồi đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng (thực hiện Dự án thành phần số 4: Cải tạo kênh và đường dọc kênh Tân Hóa – Lò Gốm thuộc tiểu dự án Nâng cấp đô thị Thành phố Hồ Chí Minh, trên địa bàn Quận A) và thẩm quyền thu hồi đất; mục 4 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục, thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất; Chương III Thông tư số 14/2009/TT-BTNMT ngày 01/10/2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về trình tự, thủ tục thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất; Ủy ban nhân dân Quận A đã ban hành các Quyết định số 6304, 6305, 6307, 6308, 6309, 6310, 6312, 6313, 3352/QĐ-UBND về thu hồi đất tại Phường 14, Quận A để bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án thành phần số 4: Cải tạo kênh và đường dọc kênh Tân Hóa – Lò Gốm thuộc tiểu dự án Nâng cấp đô thị Thành phố Hồ Chí Minh, trên địa bàn Quận A, qua đó xác định đối tượng thu hồi đất đối với các hộ gia đình, cá nhân nêu trên là đúng quy định của pháp luật.

Từ những cơ sở trên, Ủy ban nhân dân Quận A khẳng định việc ban hành các Quyết định về thu hồi đất nêu trên tại Phường 14, Quận A để bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án thành phần số 4: Cải tạo kênh và đường dọc kênh Tân Hóa – Lò Gốm thuộc tiểu dự án Nâng cấp đô thị Thành phố Hồ Chí Minh, trên địa bàn Quận A là đúng quy định của pháp luật và trình tự thủ tục quy định tại Luật Đất đai năm 2003, Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về việc hướng dẫn T hành Luật Đất đai năm 2003, Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; Thông tư số 14/2009/TT-BTNMT ngày 01/10/2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và trình tự, thủ tục thu hồi đất, cho thuê đất; Quyết định số 35 /2010/QĐ-UBND ngày 28/05/2010 của Ủy ban nhân dân thành phố Ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

Ngoài ra, ngày 12/3/2012, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 1267/QĐ-UBND về thu hồi đất để tổ chức bồi thường, giải phóng mặt bằng và giao toàn bộ diện tích đất thu hồi tại Phường 14, Quận A là 28.597,7 m² cho Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình nâng cấp đô thị thành phố để triển khai xây dựng dự án thành phần số 4 tại Phường 14, Quận A.

Do đó, đề nghị hủy các quyết định thu hồi đất của ông Nguyễn Văn T là không có cơ sở để xem xét, giải quyết.

B- Về ban hành các quyết định bồi thường, hỗ trợ: Cơ sở pháp lý ban hành các quyết định bồi thường, hỗ trợ:

Căn cứ Luật Đất đai năm 2003; Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về việc hướng dẫn T hành Luật Đất đai năm 2003; Điều 14, Điều 44 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ

quy định bổ sung về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất; Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; Thông tư số 14/2009/TT-BTNMT ngày 01/10/2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và trình tự, thủ tục thu hồi đất, cho thuê đất; Điều 8 Quy định điều kiện để được bồi thường về đất của quy định bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, ban hành kèm theo Quyết định 35/2010/QĐ-UBND ngày 28/5/2010 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; Phương án bồi thường số 1770/PABT-HĐBT ngày 31/8/2011 được Ủy ban nhân dân Quận A phê duyệt tại Quyết định số 6943/QĐ-UBND-HĐBT ngày 31/8/2011.

Đối với dự án Nâng cấp đô thị thành phần số 4 – tiểu dự án Nâng cấp đô thị Thành phố Hồ Chí Minh còn thực hiện theo khung chính sách được Ủy ban nhân dân Thành phố thông qua tại văn bản số 3634/UBND-ĐTMT ngày 20/7/2009, cụ thể:

- Về nguyên tắc bồi thường: Tắt các cơ sở pháp lý về sử dụng đất đai, không cản trở hộ bị ảnh hưởng có quyền lợi được bồi thường và hỗ trợ.

- Về phương thức bồi thường: Tắt cả những người bị ảnh hưởng dự án đang sống ở vùng dự án trước thời điểm công bố quy hoạch, khóa sổ điều tra ảnh hưởng đều được bồi thường hoặc hỗ trợ cho những Tệt hại của họ và được trợ giúp khôi phục. Việc Tắt quyền sở hữu hợp pháp không cản trở quyền được hưởng bồi thường, hỗ trợ.

- Điều kiện hợp lệ cho Bồi thường và hỗ trợ: Những người, tổ chức bị ảnh hưởng bởi dự án được nhận tiền bồi thường có thể chứng minh thông qua các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất/sở hữu nhà, giấy chứng nhận cư trú, các biên lai nộp thuế đất, nếu không có những giấy tờ đó thì nếu họ có tên trong bản kiểm kê trước ngày công bố khóa sổ điều tra nhà.

- Thời gian hợp lệ: Thời điểm hợp lệ cho công tác bồi thường, hỗ trợ đối với mỗi kế hoạch Tái định cư theo Khung Chính sách này là ngày mà dự án hoặc các hạng mục cụ thể của Dự án chính thức phê duyệt và công bố bởi các cơ quan có chức năng của chính quyền địa phương. Những người chuyển đến khu vực dự án sau thời điểm này sẽ là những người bị ảnh hưởng bởi dự án mà không được hưởng bồi thường. Những người này sẽ không nhận được bất kỳ một khoản bồi thường nào và sẽ buộc phải dời, phá dỡ tài sản của họ khỏi khu vực trung dụng đất cho dự án trước ngày khởi công dự án. Danh sách các hộ bị ảnh hưởng lập từ điều tra hộ gia đình và kiểm kê tài sản từ tháng 2 đến tháng 3 năm 2009 sẽ được bồi thường và hỗ trợ theo các chính sách của dự án, có cả những người mới xuất hiện trong điều tra danh sách hộ gia đình so với danh sách điều tra cũ năm 2004...”.

Khi tổ chức thực hiện dự án Nâng cấp đô thị thành phần số 4 trên địa bàn Quận A, ông Nguyễn Văn T có đơn ngăn chặn tiền bồi thường, hỗ trợ. Do các hộ dân nêu trên có quá trình sử dụng đất liên tục từ trước năm 1975 đến trước

ngày 15/10/1993, để có cơ sở ngăn chặn việc chi trả tiền bồi thường, Hội đồng Bồi thường dự án có Văn bản số 103/HĐBT-BBT ngày 23/02/2011 gửi ông Nguyễn Văn T đề nghị cung cấp các giấy tờ liên quan đến việc thụ lý giải quyết của Tòa án nhân dân và cung cấp quyết định ngăn chặn tiền bồi thường của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đối với các mặt bằng nêu trên. Ngày 09/9/2011, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có Quyết định số 1140/2011/QĐPT-DS về giải quyết việc kháng cáo đối với Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án với nội dung quyết định: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn T, đình chỉ giải quyết vụ kiện “Tranh chấp quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở”, hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời số 03/2011/QĐ-BPKCTT ngày 14/3/2011.

Các trường hợp hộ dân nêu trên có quá trình sử dụng đất liên tục từ trước năm 1975 đến trước ngày 15/10/1993; các hộ có kê khai đăng ký sử dụng thửa đất địa chính 2001; có kê khai đăng ký nhà đất 1999 có xác nhận của Ủy ban nhân dân Phường 14, Quận A; có đóng thuế sử dụng đất hàng năm; có hộ khẩu thường trú.

Như vậy, Hội đồng Bồi thường dự án Nâng cấp đô thị thành phần số 4 ban hành quyết định bồi thường đối với các hộ bị ảnh hưởng dự án nêu trên là phù hợp. Mặt khác, do Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 1140/2011/QĐPT-DS ngày 09/9/2011 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã có hiệu lực pháp luật, các hộ dân phải có chi phí để di dời bàn giao mặt bằng, Vì vậy dự án đã thực hiện chi tiền bồi thường, hỗ trợ cho các hộ dân và hoàn tất vào cuối năm 2011. Do đó, Ủy ban nhân dân Quận đã thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ theo đúng quy định và trình tự của pháp luật.

Như vậy, việc đề nghị hủy các quyết định bồi thường của ông Nguyễn Văn T là không có cơ sở để xem xét, giải quyết.

C- Ngoài ra, tại biên bản hòa giải, ông Nguyễn Văn T có trình bày: Năm 2015, Tòa án ban hành bản án sơ thẩm với nội dung công nhận quyền sử dụng đất của Ông T đối với phần đất 1.494m². Bản án trên sau đó có hiệu lực pháp luật (Bản án dân sự số 428/2015/DS-ST ngày 30/9/2015).

Dự án Nâng cấp đô thị Thành phần số 4 đã thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ cho các hộ dân cuối năm 2011. Đối với phần diện tích được thu hồi đất tại Phường 14, Quận A đã được Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 1267/QĐ-UBND ngày 12/3/2012 về thu hồi và giao đất cho Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình nâng cấp đô thị thành phố để triển khai xây dựng dự án thành phần số 4 tại Phường 14, Quận A trong năm 2012, như vậy dự án thực hiện trước khi có Bản án dân sự nêu trên.

Đây là bản án dân sự tranh chấp về quyền sử dụng đất yêu cầu bên khởi kiện đề nghị các cơ quan có thẩm quyền tổ chức thực hiện bản án. Khi tổ chức thực hiện xong Bản án nêu trên, Ủy ban nhân dân Quận A sẽ căn cứ theo quy định pháp luật để xem xét giải quyết đối với phần đất của ông T.

Mặt khác, đối với Bản án dân sự số 428/2015/DS-ST ngày 30/9/2015, Chánh án Tòa án nhân dân Quận A đã có Công văn số 84/CV-TAQ6 ngày

24/02/2016 nhận định có sai sót nghiêm trọng nên kiến nghị Phòng Giám đốc kiểm tra, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh kiểm tra, xem xét hủy Bản án số 428/2015/DS-ST với nội dung:

Quyết định công nhận quyền sử dụng đất đối với nguyên đơn là sai thẩm quyền. Đồng thời, trong phần đất mà ông T được công nhận đã giải tỏa Dự án thành phần số 4 nên việc công nhận là trái với quy định pháp luật về đất đai.

Ngoài ra phần 1 của bản án cũng không quy định rõ cơ quan nào sẽ chịu trách nhiệm T hành phần diện tích đất mà Tòa án đã công nhận cho ông Nguyễn Văn T, nên không có cơ sở để T hành án.

Đối với phần 2 của bản án: Việc xem xét Quyết định số 5060/QĐUB-KT ngày 14/9/1999 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh để không chấp nhận yêu cầu công nhận phần diện tích 400m² mà Nhà nước đã có Quyết định quản lý là không đúng thẩm quyền xem xét (nếu có tranh chấp thì thuộc thẩm quyền xem xét án hành chính).

Tại bản tự khai và đơn xin vắng mặt, ông Dương Văn M1 cho rằng việc Ủy ban nhân dân Quận A ban hành quyết định thu hồi đất và bồi thường, giải phóng mặt bằng là đúng quy định.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt, nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2019/HC-ST ngày 30 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh và Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án số 07/2020/QĐ-TA ngày 20/02/2020, đã quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của người khởi kiện ông Nguyễn Văn T về việc yêu cầu hủy đối với các Quyết định thu hồi đất số 6305/2011/QĐ-UB ngày 11/8/2011 và Quyết định bồi thường hỗ, trợ số tái định cư số 1698/2011/QĐ-HĐBT-BBT ngày 24/01/2011 của Ủy ban nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T về việc yêu cầu hủy đối với các Quyết định thu hồi đất và các Quyết định bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất của Ủy ban nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh, cụ thể như sau:

2.1 Các quyết định thu hồi đất:

- Quyết định số 6304/QĐ-UB ngày 11/8/2011 về việc thu hồi đất của ông Nguyễn Văn Đ và bà Huỳnh Thị H4;

- Quyết định số 6307/QĐ-UB ngày 11/8/2011 về việc thu hồi đất của bà Lê Thị B1;

- Quyết định số 6308/QĐ-UB ngày 11/8/2011 về việc thu hồi đất của bà Phạm Thị T6;

- Quyết định số 6309/QĐ-UB ngày 11/8/2011 đối với các đồng thừa kế của ông Nguyễn Thành Kiêm;

- Quyết định số 6310/QĐ-UBND ngày 11/8/2011 về việc thu hồi đất của bà Trần Thị S;
- Quyết định số 6312/QĐ-UBND ngày 11/8/2011 về việc thu hồi đất của Miếu cộng đồng dân cư;
- Quyết định số 6313/QĐ-UBND ngày 11/8/2011 về việc thu hồi đất của của ông Nguyễn Trọng H3;
- Quyết định số 3352/QĐ-UBND ngày 22/6/2012 thu hồi đất đối với ông Huỳnh Đăng T6 và bà Trịnh Huệ H4.

2.2 Các quyết định bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất:

- Quyết định số 7081/QĐ-HĐBT-BBT và số 7083/QĐ-HĐBT-BBT cùng ngày 12/9/2011 về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất cho hộ ông Nguyễn Thành Kiên;
- Quyết định số 7100/QĐ-HĐBT-BBT ngày 13/9/2011 về bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng cho ông Nguyễn Trọng H3;
- Quyết định số 7123/QĐ-HĐBT-BBT ngày 14/9/2011 về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất cho ông Nguyễn Văn Đ;
- Quyết định số 7124/QĐ-HĐBT-BBT cùng ngày 14/9/2011 về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất cho bà Trần Thị S;
- Quyết định số 7207/QĐ-HĐBT-BBT ngày 26/9/2011 về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất cho hộ bà Lê Thị B1;

3. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T về việc yêu cầu hủy Quyết định số 4270/QĐ-HĐBT-BBT ngày 13/8/2012 về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất của Ủy ban nhân dân Quận A cho ông Huỳnh Đăng T6.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về phần án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 09/12/2019, ông Nguyễn Văn T có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

Ngày 12/12/2019, Ủy ban nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án sửa bản án sơ thẩm và giữ nguyên Quyết định thu hồi đất số 6305/QĐ-UBND ngày 11/8/2011 và Quyết định bồi thường, hỗ trợ số 1698/QĐ-UBND ngày 24/01/2011 của Ủy ban nhân dân Quận A.

Ngày 13/12/2019, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân Quận A có Quyết định số 01/QĐ-VKS-HC kháng nghị bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T.

Ngày 21/01/2020, ông Dương Văn M1 có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án giữ nguyên Quyết định thu hồi đất số 6305/QĐ-UBND ngày 11/8/2011 và Quyết định bồi thường, hỗ trợ số 1698/QĐ-UBND ngày 24/01/2011 của Ủy ban nhân dân Quận A.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người khởi kiện ông Nguyễn Văn T có ông Hà Ngọc T3 là người đại diện ủy quyền trình bày: Ông T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và yêu cầu khởi kiện, đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện, cụ thể yêu cầu hủy các Quyết định thu hồi đất và các Quyết định bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng nêu trên, yêu cầu Ủy ban nhân dân Quận A xem xét lại vì những lý do sau:

Đất thuộc bằng khoán số 257, 258, trước và sau giải phóng, ông T vẫn là người quản lý sử dụng. Từ năm 1976, Nhà nước không đưa đất ông T vào diện quản lý, ông T vẫn đóng thuế đến năm 2001 và sau đó không cho ông T đóng thuế đất nữa. Theo các bản án dân sự vào năm 1994 và 1995 cũng đã công nhận quyền sử dụng đất trên là của ông T, Tòa án đã buộc giao trả lại đất cho ông T, ông T cũng cam kết hỗ trợ người chiếm đất này. Quá trình này, các bản án dân sự bị giám đốc thẩm, sau đó ông T bức xúc nên chuyển đơn qua cơ quan Công an giải quyết. Thời gian này, Ủy ban nhân dân Quận A không có chủ trương triển khai dự án, cho đến năm 2011 thì có dự án. Tuy nhiên, quá trình này ông T cũng chỉ nhận được thông báo của Ủy ban nhân dân Quận A đối với phần đất của ông Dương Văn M1 chiếm giữ được bồi thường. Do đó, năm 2013 ông T xin trích lục quyết định hành chính tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất và được thông báo có việc thu hồi đất, bồi thường hỗ trợ tái định cư nên ông T mới hay biết, do đó ông T có yêu cầu khởi kiện.

Ngoài bản án dân sự năm 2015, ông T đã có quyền sử dụng đất từ trước, những người đang ở trên đất không có quyền sử dụng đất hợp pháp. Quá trình tranh chấp kéo dài, chưa có quyết định chính thức xác lập lại quyền sử dụng đất chính thức có thuộc những người đang chiếm dụng hay không. Dựa trên các quyết định đình chỉ vụ án dân sự trái pháp luật mà Ủy ban nhân dân Quận A bác bỏ quyền sử dụng đất của ông T là không đúng.

Do đó, căn cứ vào các quy định của pháp luật về điều kiện được bồi thường đất là người sử dụng đất phải có giấy tờ, thì ông T đã đáp ứng đủ điều kiện. Ông T có bằng khoán, bản đoạn mãi, bản án chế độ cũ,... theo Quyết định số 35/QĐ-UB của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thì việc Ủy ban nhân dân Quận A ban hành các quyết định thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ vào năm 2011 đối với các hộ dân không có giấy tờ dù đất đang có tranh chấp là không đúng quy định.

Ủy ban nhân dân Quận A cho rằng việc ban hành các quyết định nêu trên do áp lực tiến độ dự án, tuy nhiên việc xác định đối tượng được bồi thường là trách nhiệm của Ủy ban nhân dân Quận A, có giấy tờ hợp pháp mới bồi thường chứ không phải do áp lực thì bồi thường sai. Ủy ban nhân dân Quận A dựa vào quyết định kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân Tối cao và cho rằng ông T không sử dụng đất là không có cơ sở, vì các bản án năm 1994, 1995 đều thể hiện ông T sử dụng đất kéo dài, có đóng thuế đất.

Cơ quan giải quyết tranh chấp không chỉ có Tòa án, nộp đơn khiếu nại ở Ủy ban nhân dân Phường cũng là có tranh chấp.

Theo ý kiến của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thì cần phải xem xét các Quyết định thu hồi đất nêu trên mà ông T khởi kiện có nằm trong tổng thể Dự án thành phần số 4 hay không, Tuy nhiên khi khởi kiện vụ án dân sự, ông T đã cho đo đạc lại toàn bộ diện tích được 1.918m² (đo đạc thực tế năm 1994 khu đất có diện tích 2.280m²) theo bản vẽ ngày 11/7/2008 và phần đất này đã bị thu hồi, nên ông T có quyền khởi kiện. Đồng thời, ông T khởi kiện diện tích bị thu hồi là 1.918m².

Bà Lưu Trâm Dạ T4, bà Đỗ Thị Duy H2 và bà Ngô Thị Hồng L là người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày: Ủy ban nhân dân Quận A vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng giữ nguyên quyết định thu hồi đất và quyết định bồi thường đất cho ông Minh. Ngoài ra, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện còn trình bày: Dự án không phải xuất phát từ việc thu hồi đất, mà phải qua kiểm tra, khảo sát tài liệu có liên quan, sau đó hoàn tất các bước mới tiến hành thu hồi đất. Trong quá trình điều tra, Ủy ban nhân dân Quận A đã xác định những hộ dân ở trên đất có đăng ký địa chính 1999, 2001 và xác định danh mục những người bị ảnh hưởng trong dự án. Đồng thời, việc thực hiện dự án phải vay tiền của Ngân hàng thế giới, do đó tất cả các công đoạn đều thực hiện từng bước, sau đó ra quyết định thu hồi đất và ra quyết định bồi thường. Tuy nhiên, sau đó một thời gian mới bồi thường cho các hộ dân được vì phải qua giải quyết các khiếu nại, đồng thời Ủy ban nhân dân Quận A cũng chờ các quyết định của Tòa án mới bồi thường. Nhưng lúc đó Ủy ban nhân dân Quận A không nhận được các văn bản nào của cơ quan có thẩm quyền thể hiện đất đang tranh chấp hay đang giải quyết tại Tòa án các cấp.

Đối với trường hợp này, dự án cho phép được quyền bồi thường trước, mới bồi thường cho người có đất bị thu hồi. Tuy nhiên, sau khi nhận được văn bản của Tòa án nhân dân Quận A về việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời thì Ủy ban nhân dân Quận A đã cho dừng lại việc bồi thường, cho đến khi có văn bản hủy bỏ việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời thì Ủy ban nhân dân Quận A mới tiếp tục thực hiện việc bồi thường cho các hộ dân có đất bị thu hồi và bị ảnh hưởng trực tiếp của dự án.

Tại thời điểm thu hồi đất, Ủy ban nhân dân Quận A đối chiếu các giấy tờ thì những người đang có mặt sử dụng đất đã được bồi thường đúng, vì họ là người bị tác động trực tiếp khi thực hiện dự án thu hồi đất. Theo quy định về đối tượng sử dụng đất thì người khởi kiện cho rằng có bằng khoán nên được công nhận, tuy nhiên theo Điều 50 của Luật Đất đai năm 2003 thì phải là đất không có tranh chấp. Vậy giả sử ông T có nộp hồ sơ để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thì vẫn đang có tranh chấp với những người đang sử dụng các thửa đất này nên cũng là chưa có giấy tờ hợp lệ.

Tại Quyết định Kháng nghị số 07/QĐ-KN năm 1996 của Viện Kiểm sát nhân dân Tối cao kháng nghị bản án có nêu rõ và thể hiện việc khẳng định ông T không có quá trình sử dụng đất và bỏ hoang phần đất này, ... Còn theo người đại diện của người khởi kiện thì cho rằng nếu đủ điều kiện hỗ trợ là hỗ trợ, nhưng phải thỏa mãn quy định pháp luật.

Ủy ban nhân dân Phường 14, Quận A xác định đất có tranh chấp nhưng là tranh chấp trước đó, tại thời điểm bồi thường là không có tranh chấp. Do đó, Ủy ban nhân dân Quận A giữ nguyên quan điểm như đã trình bày, không đồng ý với ý kiến của người khởi kiện. Riêng đối với quyết định thu hồi đất của ông Minh và quyết định bồi thường về đất cho ông Minh, Ủy ban nhân dân Quận A xác nhận: Ủy ban nhân dân Quận A ban hành quyết định bồi thường trước quyết định thu hồi đất, vi phạm về trình tự thời gian, tuy nhiên về nội dung ban hành hai quyết định nêu trên là đúng, Tòa án cấp sơ thẩm hủy hai quyết định trên đề Ủy ban nhân dân Quận A ban hành lại thì nội dung cũng không thay đổi, việc ban hành vào thời điểm xét xử sau này rất khó thực hiện. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của Ủy ban nhân dân Quận A, Ủy ban sẽ rút kinh nghiệm trong trình tự thủ tục khi ban hành các quyết định sau này.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân theo đúng trình tự Luật Tố tụng hành chính trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ về quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật tố tụng hành chính.

- Về đường lối giải quyết vụ án:

Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm về thủ tục tố tụng:

Về thủ tục giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ: 09 bộ hồ sơ bồi thường kèm 09 quyết định thu hồi đất, không có biên bản giao nhận và không công khai tài liệu chứng cứ trong các biên bản công khai chứng cứ tại Tòa án cấp sơ thẩm là vi phạm khoản 5 Điều 97, khoản 1 Điều 109, khoản 2 điều 201 Bộ luật tố tụng dân sự.

Các chứng cứ nêu trên được bổ sung sau khi Tòa án cấp sơ thẩm ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử, không cung cấp cho Viện kiểm sát sơ thẩm là không đúng quy định pháp luật.

Về thu thập tài liệu chứng cứ: Thu thập Tếu tài liệu chứng cứ gồm: Quyết định đình chỉ số 2206/DC-PT ngày 12/11/2011 của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh; Quyết định đình chỉ số 119/DC-ST ngày 15/7/2011 của Tòa án nhân dân Quận A, thành phố Hồ Chí Minh; Quyết định đình chỉ số 463/ST-DS-ĐC ngày 11/12/2013 của Tòa án nhân dân Quận A thành phố Hồ Chí Minh.

Phản quyết định tuyên Tếu yêu cầu của người khởi kiện:

Yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân Quận A ra quyết định thu hồi đất và bồi thường cho ông T theo hai bằng khoán 257 và 258 Chợ lớn – Phú lâm mà đương sự đã rút yêu cầu tại các phiên tòa sơ thẩm.

Yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân Quận A bồi thường tiền lãi trên tổng tiền bồi thường cho ông T theo lãi suất ngân hàng 8%/năm mà ông T đã rút yêu cầu tại buổi làm việc ngày 07/11/2019 của Tòa án nhân dân Quận A.

Bản án sơ thẩm không tuyên đình chỉ các yêu cầu này là Tếu sót.

Ngoài ra, ngày 20/02/2020, Tòa án nhân dân Quận A ban hành Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án số 07/2020/QĐ-TA nhưng việc sửa chữa này không phải là sửa lỗi chính tả, không phải sửa số liệu mà sửa nội dung phần quyết định của bản án là vi phạm quy định tại Điều 197 Luật Tố tụng hành chính.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm vì vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn T, Ủy ban nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh, ông Dương Văn M1 và Văn bản kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh làm trong hạn luật định, đúng thủ tục.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Ủy ban nhân dân Quận A có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 4 Điều 225 Luật Tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

Người kháng cáo ông Dương Văn M1 đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai vẫn vắng mặt. Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 225, Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu kháng cáo của ông Minh.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác trong vụ án đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai vẫn vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 225, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

Người khởi kiện ông Nguyễn Văn T yêu cầu Tòa án tuyên hủy các quyết định thu hồi đất và quyết định bồi thường đất cho các ông bà liên quan nêu trên theo như yêu cầu khởi kiện vì cho rằng phần đất bị thu hồi có nguồn gốc của ông T.

Xét về thẩm quyền ban hành của quyết định bị kiện: Theo quy định tại Điều 44 Luật Đất đai năm 2003 và các quy định pháp luật đất đai thì việc ban hành quyết định về thu hồi, bồi thường, hỗ trợ Tệt hại và tái định cư đối với người bị thu hồi đất thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp quận, huyện.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Quá trình tranh chấp nhà đất giữa ông T và bà Sáu, các hộ người liên quan ở trên đất được các cấp Tòa án nhân dân giải quyết như sau:

1. Bản án sơ thẩm số 11/STDS ngày 07/3/1994 của Tòa án nhân dân Quận A với nội dung quyết định:

Chấp thuận yêu cầu của ông Nguyễn Văn T đòi bà Trần Thị S trả lại căn nhà số 378 đường Hùng Vương và toàn bộ phần đất liền nhà thuộc bằng khoán 257-258 Chợ Lớn, Phú Lâm có tổng diện tích chung là 2.194m² mà bà Sáu giữ và tuyên buộc những hộ dân ở trên đất trả lại đất cho ông T.

2. Bản án phúc thẩm số 580/DSPT ngày 27/11/1995 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh với nội dung quyết định: Y án sơ thẩm nêu trên.

Ngày 17/02/1996, Viện Kiểm sát nhân dân Tối cao có Quyết định số 07/KN-DS kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án số 580/DSPT ngày 27/11/1995 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Nội dung kháng nghị yêu cầu Tòa án cần phải xem xét công sức của bà Sáu.

3. Bản án giám đốc thẩm số 111A ngày 16/4/1996 của Tòa án nhân dân Tối cao với nội dung quyết định: Chấp nhận kháng nghị số 07/KN-DS ngày 17/02/1996 của Viện Kiểm sát nhân dân Tối cao. Hủy Bản án phúc thẩm số 580/DSPT ngày 27/11/1995 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phúc thẩm lại.

4. Do ông Nguyễn Văn T có đơn yêu cầu rút đơn khởi kiện; Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có Quyết định số 2206/ĐC-PT ngày 12/11/2001 về đình chỉ việc giải quyết vụ án “đòi nhà và đất” với nội dung quyết định: Đình chỉ việc giải quyết vụ án “đòi nhà và đất”; Bản án số 11/DSST ngày 07/3/1994 của Tòa án nhân dân Quận A xử việc nói trên, không có hiệu lực pháp luật.

Như vậy, các bản án giải quyết vụ án “đòi nhà và đất” giữa ông T với bà Sáu và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không còn hiệu lực.

5. Ngày 24/01/2007 ông T khởi kiện lại vụ án.

- Ngày 15/7/2011, Tòa án nhân dân Quận A có Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 119/QĐST-DS-ĐC với nội dung:

Tranh chấp của ông T phát sinh từ năm 1992, được Tòa án nhân dân Quận A thụ lý năm 1993 và xét xử sơ thẩm năm 1994, đến năm 2001 Tòa án cấp phúc thẩm đình chỉ việc giải quyết vụ án do ông T rút đơn khởi kiện. Như vậy, thời hiệu khởi kiện lại của ông T được tính từ ngày 01/01/2005 nhưng đến ngày 24/01/2007 ông T mới khởi kiện lại vụ án là đã hết thời hiệu khởi kiện.

Quyết định: Đình chỉ giải quyết vụ án dân sự được thụ lý số 66/2007/TLST-DS ngày 06/02/2007; Hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời quy định tại điều 114 Bộ luật tố tụng dân sự đã được Tòa án nhân dân Quận A áp dụng tại Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 03/2011/QĐ-BPKCTT ngày 14/3/2011.

6. Ông Nguyễn Văn T có đơn kháng cáo quyết định trên; Tòa án nhân dân Thành phố có Quyết định số 1140/2011/QĐPT-DS ngày 09/9/2011 về giải quyết việc kháng cáo đối với quyết định đình chỉ giải quyết vụ án với nội dung quyết định: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn T, đình chỉ giải quyết vụ kiện “Tranh chấp quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở”, hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời số 03/2011/QĐ-BPKCTT ngày 14/3/2011.

7. Năm 2015, vụ án của ông T được thụ lý giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm. Trong năm 2015, Tòa án nhân dân Quận A ban hành bản án sơ thẩm với nội dung công nhận quyền sử dụng đất của ông T đối với phần đất 1.494m². Bản án này sau đó có hiệu lực pháp luật.

Xét nội dung ban hành các quyết định hành chính bị kiện:

Căn cứ vào Điều 38; Điều 39; Điều 41; Điều 42; Điều 44; khoản 1, 2, 4 và 5 Điều 50 Luật đất đai năm 2003;

Căn cứ Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về việc hướng dẫn T hành Luật Đất đai năm 2003; Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Điều 14, Điều 44 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ quy định bổ sung về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất; Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư;

Căn cứ vào Thông tư số 14/2009/TT-BTNMT ngày 01/10/2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và trình tự, thủ tục thu hồi đất, cho thuê đất;

Quyết định số 35/2010/QĐ-UBND ngày 28/5/2010 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; Văn bản số 3634/UBND-ĐTMT ngày 20/7/2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Các trường hợp hộ dân nêu trên có quá trình sử dụng đất liên tục trước ngày 15/10/1993; các hộ có kê khai đăng ký sử dụng thửa đất địa chính 2001; có kê khai đăng ký nhà đất 1999 có xác nhận của Ủy ban nhân dân Phường; có đóng thuế sử dụng đất hàng năm; có hộ khẩu thường trú.

Ông T cho rằng Ủy ban nhân dân Quận A ban hành các quyết định thu hồi và bồi thường cho các hộ dân nêu trên là không đúng pháp luật, vì nguồn gốc đất là của ông T và ông T có tranh chấp nhà đất kéo dài với những hộ được bồi thường nêu trên từ những năm 1994 đến năm 2015.

Hội đồng xét xử xét thấy: Theo các tài liệu chứng cứ trong vụ án thể hiện: Ông T không có quá trình sử dụng nhà đất tranh chấp. Tại thời điểm tổ chức thực hiện dự án trên, các bản án liên quan đến phần đất tranh chấp đều không có hiệu lực và vụ án đã bị đình chỉ. Thời điểm thu hồi nhà đất vào năm 2011, ông T không được công nhận quyền sử dụng đất nêu trên và chưa có Bản án số 428/2015/DS-ST ngày 30/9/2015 của Tòa án nhân dân Quận A. Do đó, Ủy ban nhân dân Quận A ban hành quyết định thu hồi và bồi thường đối với các hộ bị ảnh hưởng dự án nêu trên là phù hợp quy định của pháp luật.

Riêng đối với Quyết định thu hồi đất của ông Minh số 6305/2011/QĐ-UBND ngày 11/8/2011 và Quyết định bồi thường, hỗ trợ số 1698/2011/QĐ-HĐBT-BBT ngày 24/01/2011 của Ủy ban nhân dân Quận A, Hội đồng xét xử xét thấy hai quyết định này ban hành không đúng trình tự. Theo quy định của Luật Đất đai năm 2003 thì quyết định thu hồi đất phải ban hành trước quyết định bồi thường, tuy nhiên theo người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân Quận A thì hộ ông Minh đã tìm được chỗ ở mới nên tình nguyện di dời, do đó Ban bồi thường đã đề xuất ban hành quyết định bồi thường trước, tạo điều kiện cho người dân được bồi thường sớm để ổn định cuộc sống trước mắt, sau

đó mới ban hành quyết định thu hồi đất sau. Hội đồng xét xử xét thấy, Ủy ban nhân dân Quận A cần phải tuân theo quy định của pháp luật đất đai và các văn bản hướng dẫn T hành, trình tự, thủ tục ban hành hai quyết định nêu trên là không đúng quy định của pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào quy định của pháp luật đất đai để hủy hai Quyết định này là có căn cứ. Tuy nhiên xét thấy Quyết định số 6305/2011/QĐ-UB ngày 11/8/2011 và Quyết định số 1698/2011/QĐ-HĐBT-BBT ngày 24/01/2011 của Ủy ban nhân dân Quận A đều ban hành đúng về nội dung, không làm thay đổi bản chất vụ việc. Do đó không cần Tét phải hủy hai Quyết định này. Trong trường hợp này, Ủy ban nhân dân Quận A phải rút kinh nghiệm về những sai sót nêu trên.

Đối với Quyết định bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng số 4270/QĐ-HĐBT-BBT ngày 13/8/2012 Ủy ban nhân dân Quận A cho ông Huỳnh Đăng T6, ông T rút lại yêu cầu hủy quyết định này, nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ đối với câu này của ông T.

Như vậy, việc ông Nguyễn Văn T yêu cầu hủy các quyết định thu hồi và bồi thường nêu trên của Ủy ban nhân dân Quận A là không có cơ sở để xem xét, giải quyết.

Xét kháng cáo của ông Nguyễn Văn T là không có cơ sở chấp nhận.

Xét kháng cáo của Ủy ban nhân dân Quận A là có cơ sở chấp nhận.

Đối với kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Quận A, Thành phố Hồ chí Minh và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh cho rằng bản án sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng và đề nghị hủy án sơ thẩm:

Hội đồng xét xử xét thấy: Theo các biên bản công khai chứng cứ tại Tòa án cấp sơ thẩm đã không ghi nhận các chứng cứ mà Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận A nêu, tuy nhiên trong hồ sơ vụ án, Ủy ban nhân dân Quận A đã cung cấp đầy đủ các tài liệu chứng cứ liên quan đến các hộ dân của 09 (chín) quyết định thu hồi đất kể trên. Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự đều xác nhận đã được tiếp cận các tài liệu này tại cấp sơ thẩm. Riêng 03 quyết định đình chỉ mà đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nêu tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự xác nhận đều có và tiếp cận các tài liệu trên từ cấp sơ thẩm. Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cũng được cung cấp đầy đủ các tài liệu chứng cứ của vụ án.

Đối với phần quyết định bản án sơ thẩm tuyên Tếu về đình chỉ các yêu cầu của người khởi kiện đã rút, đây là Tếu sót của cấp sơ thẩm, cấp sơ thẩm phải rút kinh nghiệm về việc này.

Đối với Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án số 07/2020/QĐ-TA ngày 20/02/2020 của Tòa án nhân dân Quận A: Trong phần nhận định của bản án sơ thẩm đã xem xét toàn bộ các yêu cầu của người khởi kiện, do có sai sót trong việc đánh máy nên Tòa án nhân dân Quận A ra Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án số 07/2020/QĐ-TA ngày 20/02/2020 là phù hợp quy định của pháp luật

Từ sự phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định: Vi phạm về thủ tục công khai chứng cứ của cấp sơ thẩm không đến mức nghiêm trọng, phần

quyết định bản án sơ thẩm tuyên Tếu về đình chỉ các yêu cầu của người khởi kiện đã rút là Tếu sót của cấp sơ thẩm, cấp phúc thẩm khắc phục được, tuy nhiên cấp sơ thẩm phải rút kinh nghiệm về những vi phạm và sai sót này.

Do đó kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Quận A là không có cơ sở.

Đối với Bản án dân sự số 428/2015/DS-ST ngày 30/9/2015 của Tòa án nhân dân Quận A hiện nay đang có hiệu lực pháp luật, do Bản án này có sau thời điểm thực hiện việc thu hồi, bồi thường của dự án, nên ông T có quyền khởi kiện bằng vụ án khác tranh chấp về tiền bồi thường nhà đất nêu trên theo quy định pháp luật.

Ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh đề nghị hủy án sơ thẩm là không phù hợp.

[3] Về án phí: Do Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm nên ông Nguyễn Văn T không phải nộp án phí hành chính phúc thẩm.

Hội đồng xét xử đình chỉ xem xét kháng cáo của ông Dương Văn M1 nên số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm của ông Dương Văn M1 được sung vào công quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào,

Khoản 1 Điều 3; Điều 29; Khoản 1 Điều 30; Điều 31; Điều 60; Điều 116; điểm c khoản 1 Điều 143; Điều 225, Điều 241, Điều 242 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

Điều 38; Điều 39; Điều 41; Điều 42; Điều 44; khoản 1, 2, 4 và 5 Điều 50 Luật Đất đai năm 2003;

Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ quy định bổ sung về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất;

Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Sửa phần quyết định Bản án sơ thẩm số 01/2019/HC-ST ngày 30 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân Quận A.

1. Bác kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bác kháng cáo của ông Nguyễn Văn T.

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T về việc yêu cầu hủy các Quyết định thu hồi đất và các Quyết định bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất của Ủy ban nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh, cụ thể như sau:

Các quyết định thu hồi đất bao gồm:

- Quyết định số 6304/QĐ-UB ngày 11/8/2011 về việc thu hồi đất của ông Nguyễn Văn Đ và bà Huỳnh Thị H4;
- Quyết định số 6305/QĐ-UB ngày 11/8/2011 về việc thu hồi đất của ông Dương Văn M1 và bà Lê Thị C2;
- Quyết định số 6307/QĐ-UB ngày 11/8/2011 về việc thu hồi đất của bà Lê Thị B1;
- Quyết định số 6308/QĐ-UB ngày 11/8/2011 về việc thu hồi đất của bà Phạm Thị T6;
- Quyết định số 6309/QĐ-UB ngày 11/8/2011 đối với các đồng thừa kế của ông Nguyễn Thành Kiên;
- Quyết định số 6310/QĐ-UB ngày 11/8/2011 về việc thu hồi đất của bà Trần Thị S;
- Quyết định số 6312/QĐ-UB ngày 11/8/2011 về việc thu hồi đất của Miếu cộng đồng dân cư;
- Quyết định số 6313/QĐ-UB ngày 11/8/2011 về việc thu hồi đất của của ông Nguyễn Trọng H3;
- Quyết định số 3352/QĐ-UBND ngày 22/6/2012 thu hồi đất đối với ông Huỳnh Đăng T6 và bà Trịnh Huệ H4.

Các quyết định bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất bao gồm:

- Quyết định 1698/QĐ-HĐBT-BBT ngày 24/01/2011 về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất cho hộ ông Dương Văn M1, bà Lê Thị C2;
- Quyết định số 7081/QĐ-HĐBT-BBT và số 7083/QĐ-HĐBT-BBT cùng ngày 12/9/2011 về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất cho hộ ông Nguyễn Thành Kiên;
- Quyết định số 7100/QĐ-HĐBT-BBT ngày 13/9/2011 về bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng cho ông Nguyễn Trọng H3;
- Quyết định số 7123/QĐ-HĐBT-BBT ngày 14/9/2011 về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất cho ông Nguyễn Văn Đ;
- Quyết định số 7124/QĐ-HĐBT-BBT cùng ngày 14/9/2011 về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất cho bà Trần Thị S;
- Quyết định số 7207/QĐ-HĐBT-BBT ngày 26/9/2011 về bồi thường, hỗ

trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất cho hộ bà Lê Thị B1;

3. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T về việc yêu cầu hủy Quyết định số 4270/QĐ-HĐBT-BBT ngày 13/8/2012 về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất của Ủy ban nhân dân Quận A cho ông Huỳnh Đăng T6.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T về việc Yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân Quận A ra quyết định thu hồi đất và bồi thường cho ông T theo hai bằng khoán 257 và 258 Chợ lớn – Phú lâm.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T về việc Yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân Quận A bồi thường tiền lãi trên tổng tiền bồi thường cho ông T theo lãi suất ngân hàng 8%/năm mà ông T đã rút yêu cầu tại buổi làm việc ngày 07/11/2019 của Tòa án nhân dân Quận A.

4. Chấp nhận kháng cáo của Ủy ban nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh về việc bác yêu cầu khởi kiện về yêu cầu hủy Quyết định thu hồi đất số 6305/2011/QĐ-UB ngày 11/8/2011 và Quyết định bồi thường hỗ, trợ số tái định cư số 1698/2011/QĐ-HĐBT-BBT ngày 24/01/2011 của Ủy ban nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu kháng cáo của ông Dương Văn M1 về việc bác yêu cầu khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định thu hồi đất số 6305/2011/QĐ-UB ngày 11/8/2011 và Quyết định bồi thường hỗ, trợ số tái định cư số 1698/2011/QĐ-HĐBT-BBT ngày 24/01/2011 của Ủy ban nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Án phí hành chính sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn T được miễn nộp án phí hành chính sơ thẩm, hoàn trả cho ông Nguyễn Văn T số tiền tạm ứng án phí là 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số AC/2011/04732 ngày 22/01/2014 của Chi cục T hành án Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

7. Án phí hành chính phúc thẩm:

Hoàn trả cho Ủy ban nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0011925 ngày 23/12/2019 của Chi cục T hành án dân sự Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Sung vào công quỹ Nhà nước 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm của ông Dương Văn M1 đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0010021 ngày 14/02/2020 của Chi cục T hành án dân sự Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

8. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Chi cục THADS Quận A;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Chi cục THADS Quận A;
- TAND Quận A;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS.

Lê Thị Thuận